TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

2. Ông Nguyễn Huy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Kiều T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn V**, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2023 nguyên đơn chị Cao Thị Kiều T trình bày: Vào năm 2017 chị và anh Trương Văn V quen biết, tìm hiểu nhau và sống chung với nhau, không tổ chức lễ cưới, không tặng cho nữ trang; đăng ký kết hôn ngày 03/4/2018 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; có 01 con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 07/6/2018, hiện sống với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến cuối năm 2022 chị

và anh V phát sinh mâu thuẫn, mỗi khi uống rượu anh V kiếm chuyện gây sự với chị, chị có khuyên nhiều lần nhưng không được. Chị xác định không còn tình cảm với anh V, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Trương Văn V. Về con chung: Trương Thanh H, sinh ngày 07/6/2018, chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 08/3/2023 anh Trương Văn V trình bày:* anh đồng ý ly hôn cùng Cao Thị Kiều T, không tranh chấp tài sản, anh đồng ý để vợ nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh do anh đi làm ăn xa không về được.

- *Tại phiên tòa*: *Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Cao Thị Kiều T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Văn V, anh V có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Trương Văn V xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Kiều T và anh Trương Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 01/2023 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, chị yêu cầu được ly hôn; anh V đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trương Thanh H, sinh ngày 07/6/2018.

Chị T yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị T và anh V không còn sống chung, chị T là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; anh V đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Cao Thị Kiều T và anh Trương Văn V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Kiều T và anh Trương Văn V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Trương Thanh H, sinh ngày 07/6/2018 cho chị Cao Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Trương Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Cao Thị Kiều T và anh Trương Văn V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T nộp theo biên lai thu số 0002815 ngày 13/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Phan Kim Ngân